|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****QUẢNG NAM**ĐỀ CHÍNH THỨC  (*Đề gồm có 02 trang*) | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2020-2021****Môn: ĐỊA LÍ – Lớp 11**Thời gian: 45 phút (*không kể thời gian giao đề*)

|  |
| --- |
| **MÃ ĐỀ 705**  |

 |

**A.TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**

**Câu 1:** Đặc điểm dân cư khu vực Đông Nam Á là

**A.** dân số ít, mật độ thấp. **B.** dân số trẻ, trình độ cao.

**C.** dân số già, trình độ cao. **D.** dân số đông, mật độ cao.

**Câu 2:** Một số loại nông sản của Trung Quốc có sản lượng đứng đầu thế giới là

**A.** thịt lợn, đậu tương, mía. **B.** lương thực, thịt bò, bông.

**C.** lương thực, bông, thịt lợn. **D.** mía, thịt bò, lương thực.

**Câu 3:** Theo thứ tự từ Bắc xuống Nam, vị trí các đảo lớn của Nhật Bản lần lượt là

**A.** Xi-cô-cư, Kiu-xiu, Hô-cai-đô, Hôn-su. **B.** Kiu-xiu, Hô-cai-đô, Hôn-su, Xi-cô-cư.

**C.** Hôn-su, Xi-cô-cư, Kiu-xiu, Hô-cai-đô. **D.** Hô-cai-đô, Hôn-su, Xi-cô-cư, Kiu-xiu.

**Câu 4:** Đông Nam Á biển đảo nằm trong 2 đới khí hậu

**A.** cận xích đạo và nhiệt đới ẩm. **B.** nhiệt đới gió mùa và ôn đới.

**C.** nhiệt đới gió mùa và xích đạo. **D.** nhiệt đới gió mùa và cận nhiệt.

**Câu 5:** Sông Mê Công tạo thuận lợi nhất cho canh tác nông nghiệp các nước Đông Nam Á nào?

**A.** Thái Lan, Malaixia. **B.** Campuchia, Việt Nam.

**C.** Thái Lan, Myanma. **D.** Malaixia, Inđônexia.

**Câu 6:** Vị trí Đông Nam Á là

**A.** cầu nối giữa lục địa Á-Âu với lục địa Ô-xtrây-li-a.

**B.** nằm giữa Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương.

**C.** nằm giữa Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

**D.** cầu nối giữa lục địa Á-Âu với lục địa Mĩ la tinh.

**Câu 7:** Cho bảng số liệu:

GDP VÀ SỐ DÂN CỦA TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 1985 – 2010

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1985** | **1995** | **2004** | **2010** |
| **GDP (tỉ USD)** | 239,0 | 697,6 | 1649,3 | 5880 |
| **Số dân (triệu người)** | 1070 | 1211 | 1299 | 1347 |

Từ bảng số liệu về GDP và số dân của Trung Quốc, nhận xét đúng là

**A.** GDP/người năm 2010 đạt 4365 USD. **B.** GDP từ 1985 đến 2010 tăng 2,5 lần.

**C.** số dân từ 1985 đến 2010 tăng 1,5 lần. **D.** tốc độ tăng GDP chậm hơn số dân.

**Câu 8:** Về vị trí địa lí, Nhật Bản nằm ở khu vực nào sau đây?

**A.** Nam Á. **B.** Đông Á. **C.** Tây Á. **D.** Bắc Á.

**Câu 9:** Khu vực Đông Nam Á có nhiều tôn giáo, trong đó số dân Hồi giáo tập trung nhiều nhất ở

**A.** Philippin. **B.** Malaixia. **C.** Inđônêxia. **D.** Việt Nam.

**Câu 10:** Thế mạnh nào giúp cho các ngành công nghiệp ở nông thôn Trung Quốc phát triển mạnh?

**A.** Thị trường tiêu thụ rộng lớn và công nghệ sản xuất cao.

**B.** Lực lượng lao động dồi dào và nguyên vật liệu sẵn có.

**C.** Lao động có tay nghề kĩ thuật và nguyên vật liệu sẵn có.

**D.** Lực lượng lao động dồi dào và công nghệ sản xuất cao.

**Câu 11:** Dân số già sẽ ảnh hưởng như thế nào tới phát triển kinh tế - xã hội của Nhật Bản?

**A.** Không có điều kiện phát triển các ngành dịch vụ.

**B.** Thiếu hụt lực lượng lao động trong tương lai.

**C.** Vấn đề giải quyết việc làm gặp nhiều khó khăn.

**D.** Chi phí nhiều cho giáo dục và nâng cao thể lực.

**Câu 12:** Dựa vào bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU CỦA NHẬT BẢN TỪ 2005 -2015

 *(Đơn vị: tỉ USD)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2005** | **2008** | **2010** | **2015** |
| **Xuất khẩu** | 594,9 | 782,1 | 857,1 | 773,0 |
| **Nhập khẩu** | 514,9 | 762,6 | 773,9 | 787,2 |

Để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu của Nhật Bản từ 2005 đến 2015 biểu đồ thích hợp nhất là

**A.** tròn. **B.** cột. **C.** đường. **D.** miền.

**Câu 13:** Một trong những thành tựu quan trọng nhất trong phát triển kinh tế – xã hội của Trung Quốc là

**A.** thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh.

**B.** tình trạng đói nghèo giảm xuống đáng kể.

**C.** sự phân hóa giàu nghèo ngày càng lớn.

**D.** GDP/người xếp vào loại cao trên thế giới.

**Câu 14:** Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho diện tích trồng lúa gạo của Nhật Bản giảm?

**A.** Chỉ chú trọng phát triển chăn nuôi. **B.** Thiên tai thường xuyên xảy ra.

**C.** Quá trình đô thị hóa nhanh chóng. **D.** Chuyển sang trồng các loại cây khác.

**Câu 15:** Địa hình của Nhật Bản chủ yếu là

**A.** núi thấp và trung bình. **B.** cao nguyên và đồi thấp.

**C.** đồng bằng và trung du. **D.** núi cao và trung bình.

**Câu 16:** Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho tỉ suất gia tăng dân số tư nhiên của Trung Quốc ngày càng giảm?

**A.** Tâm lí ngại sinh nhiều con của người dân.

**B.** Do sự phát triển nhanh của y tế và giáo dục.

**C.** Tiến hành chính sách dân số rất triệt để.

**D.** Sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế.

**Câu 17:** Sắp xếp các đồng bằng của Trung Quốc theo thứ tự từ Bắc xuống Nam.

**A.** Hoa Trung, Hoa Nam, Đông Bắc, Hoa Bắc.

**B.** Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam.

**C.** Hoa Nam, Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Trung.

**D.** Hoa Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam, Đông Bắc.

**Câu 18:** Trong kinh tế Nhật Bản nông nghiệp chỉ giữ vai trò thứ yếu, tỉ trọng chỉ chiếm 1%GDP là do

**A.** it chú trọng phát triển nông nghiệp. **B.** khí hậu khắc nghiệt, nhiều thiên tai.

**C.** chỉ tập trung phát triển công nghiệp. **D.** diện tích đất nông nghiệp quá ít.

**Câu 19:** Miền Tây Trung Quốc có khí hậu chủ yếu là

**A.** ôn đới lục địa. **B.** ôn đới gió mùa.

**C.** cận nhiệt gió mùa. **D.** cận nhiệt lục địa.

**Câu 20:** Địa hình chủ yếu của miền Đông Trung Quốc là

**A.** núi cao, sơn nguyên. **B.** cao nguyên, bồn trũng.

**C.** đồng bằng châu thổ. **D.** đồi thấp, bình nguyên.

**Câu 21:** Ngành được xem là khởi nguồn cho công nghiệp Nhật Bản ở thế kỷ XIX là

**A.** vi mạch, chất bán dẫn. **B.** dệt sợi, vải các loại.

**C.** xe gắn máy, tàu biển. **D.** vật liệu truyền thông.

**B. TỰ LUẬN (3,0 điểm).** Dựa vào bảng số liệu sau:

GDP CỦA TRUNG QUỐC, NHẬT BẢN GIAI ĐOẠN 1980 – 2016  *(Đơn vị: tỉ USD)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **1980** | **1990** | **2010** | **2015** | **2016** |
| **Trung Quốc** | 302,9 | 396,5 | 6005,2 | 10982,8 | 11383,0 |
| **Nhật Bản**  | 1086,9 | 3104,3 | 5498,7 | 4391,7 | 4328,4 |

1. Tính tốc độ tăng trưởng GDP của Trung Quốc, Nhật Bản qua các năm đã cho ở trên?

(lấy năm 1980 = 100%).

2. Nhận xét, giải thích về tốc độ tăng trưởng GDP của Trung Quốc và Nhật Bản giai đoạn 1980 – 2016.

----------- HẾT ----------

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****QUẢNG NAM** | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2020-2021****Môn: ĐỊA LÍ – Lớp 11** |

 **HƯỚNG DẪN CHẤM**

1. **TRẮC NGHIỆM (0,33 điểm/câu)** MÃ ĐỀ 705

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | D | **4** | C | **7** | A | **10** | B | **13** | A | **16** | C | **19** | A |
| **2** | C | **5** | B | **8** | B | **11** | B | **14** | D | **17** | B | **20** | C |
| **3** | D | **6** | A | **9** | C | **12** | D | **15** | A | **18** | D | **21** | B |

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | **Tính tốc độ tăng trưởng GDP của Trung Quốc, Nhật Bản qua các năm đã cho ( lấy năm 1980 = 100%)**  | **1,0** |
| Bảng tốc độ tăng trưởng của GDP Trung Quốc, Nhật Bản qua các năm(đơn vị: %)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **1980** | **1990** | **2010** | **2015** | **2016** |
| Trung Quốc | 100 | 130,9 | 1982,6 | 3625,9 | 3758,0 |
| Nhật Bản  | 100 | 285,6 | 505,9 | 404,1 | 398,2 |

 |
| *HS có thể trình bày kết quả không theo bảng, nhưng phải đúng tất cả và có đơn vị cho 1 điểm. Nếu sai 1 số liệu, hoặc không có đơn vị thì trừ 0,25 điểm* |  |
| **2** | **Nhận xét, giải thích** | **2,0** |
| **Nhận xét** | **1,5** |
| - Tốc độ tăng trưởng GDP của Trung Quốc và Nhật Bản từ 1980 đến 2016 đều có xu hướng tăng, nhưng tốc độ tăng không giống nhau  | 0,5 |
| - GDP của Trung Quốc có tốc độ tăng trưởng liên tục và nhanh hơn (dẫn chứng) *.* | 0,5 |
| - GDP của Nhật có tốc độ tăng trưởng không liên tục và chậm hơn (dẫn chứng) *.* | 0,5 |
| *Không có dẫn chứng thì chỉ cho 0,25 đ/ 1 ý nhận xét đúng* |  |
|  | **Giải thích** | **0,5** |
| Kinh tế Trung Quốc phát triển nhanh hơn Nhật Bản là do |  |
| Đây là nền kinh tế trẻ, phát triển theo chiều rộng, có nhiều nguồn lực để phát triển. | 0,25 |
| Kết quả công cuộc hiện đại hóa đất nước, ổn định xã hội, mở rộng giao lưu buôn bán với nước ngoài. | 0,25 |
| *Học sinh có thể trình bày không theo đáp án nhưng đảm bảo nội dung vẫn cho điểm tối đa.* |